

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẠC
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST

Ngày: 18/6/2021

V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẠC TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Hùng.

Ông Phạm Đức Hoàn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Hà là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Chị Nguyễn Thị X - Sinh năm 1966, chị Lê Thị C - Sinh năm 1958. Cùng địa chỉ: Thôn 12, xã LS, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Mai Thị S - Sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn TS, xã LS, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1963 và anh Lê Văn Khanh - Sinh năm 1962. Cùng địa chỉ: Thôn 9, xã LS, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/12/2020 được bổ sung trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Năm 2006, thôn 4, xã LS đã thành lập Tổ Tiết kiệm Tín dụng nhằm mục đích huy động vốn nhàn rỗi trong các gia đình hội viên trong thôn, đồng thời giúp các gia đình khó khăn vay tiền để phát triển kinh tế. Theo quy chế, quy ước của Tổ Tiết kiệm Tín dụng quy định tiền gửi tiết kiệm lãi suất là 0,8%/tháng, lãi suất cho vay từ 1,3 đến 1,5%/tháng. Khi thành lập Tổ Tiết kiệm Tín dụng thôn 4, xã LS, những người quản lý điều hành gồm: Bà Nguyễn Thị X - Tổ trưởng; bà Lê Thị C – Kế Toán và bà Mai Thị S - Thủ quỹ. Tổ Tiết kiệm Tín dụng thôn 4, xã LS hoạt động đến đầu năm 2018 thì dừng hoạt động để thu hồi nợ.

Trong năm 2012 và năm 2013 Tổ tín dụng thôn 4, xã LS đã cho vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn K vay 08 lần tổng số tiền vay là 248.997.000đ. Ngày 08/10/2014 hai bên đã tính toán chốt nợ với nhau. Sau khi tính toán bà N và ông K còn nợ số tiền gốc vay là 248.997.000đ và số tiền lãi còn nợ là 54.285.000đ, số tiền gốc 248.997.000đ bà N và ông K đề nghị tiếp tục được vay lại, còn số tiền lãi bà N và ông K chưa có tiền để trả, nên bà N và ông K đề nghị được chuyển thành tiền vay, Tổ tiết kiệm thôn 4, xã LS đã đồng ý cho bà N và ông K với đề nghị của bà N và ông K. Sau khi thỏa thuận thống nhất, bà N đã viết vào 02 đơn vay vốn theo mẫu đơn của Tổ Tiết kiệm Tín dụng, cụ thể là một đơn vay số tiền 248.997.000đ và một đơn vay số tiền 54.285.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, lãi trả hàng tháng, mục đích vay để kinh doanh, chăn nuôi, tài sản thế chấp bà N ghi trong đơn là khu nhà đang ở, nhưng trên thực tế không làm thủ tục đăng ký thế chấp tài sản, Tính từ ngày 08/10/2014, Tổ Tiết kiệm Tín dụng thôn 4 xã LS đã cho bà N và ông K vay số tiền 303.282.000đ. Đến hạn trả lãi và trả gốc bà N và ông K không thực hiện, Tổ Tiết kiệm Tín dụng thôn 4, xã LS đã đòi nợ bà N và ông K nhiều lần, mãi đến năm 2017 và 2018, ông K và bà N mới trả được 5 lần tiền lãi, tổng số tiền là 4.600.000đ. Từ năm 2018 đến nay nguyên đơn đã đòi nợ ông K và bà N rất nhiều lần, nhưng bà N, ông K viện ra rất nhiều lý do để khất nợ. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn K phải trả số tiền gốc vay 303.282.000đ và số tiền lãi kể từ khi vay đến ngày xét xử 18/6/2021 là 80 tháng 10 ngày, tính tròn là 80 tháng với mức lãi suất 1,12%/tháng, số tiền lãi là $303.282.000đ \times 1,12\% \times 80 \text{ tháng} = 271.741.000đ$, chấp nhận bị đơn đã trả được số tiền lãi là 4.600.000đ, số tiền lãi còn nợ là 267.141.000đ. Tổng gốc và lãi bà N và ông K phải trả 570.423.000đ (Năm trăm bảy mươi triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Tại phiên hòa giải ngày 19/4/2021 và tại phiên tòa bị đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà công nhận ngày 08/10/2014 bà có viết hai giấy vay tiền của Tổ Tiết kiệm Tín dụng thôn 4, xã LS cụ thể là một giấy vay số tiền gốc là 248.997.000đ và một giấy vay 54.285.000đ. Số tiền 54.285.000đ là tiền lãi của số tiền đã vay, do bà chưa trả được tiền lãi nên Tổ Tiết kiệm Tín dụng cộng dồn và yêu cầu bà viết vào giấy vay tiền. Mục đích vay tiền là dùng cho phát triển chăn nuôi, nhưng do bùng phát dịch bệnh, nên bà chưa trả được tiền gốc. Trong năm 2017 và 2018 gia đình bà đã trả được số tiền lãi là 4.600.000đ, bà công nhận từ năm 2018 đến nay nguyên đơn đã đòi nợ nhiều lần, nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn bà chưa có tiền để trả. Nay nguyên đơn yêu cầu bà và ông K phải trả số tiền gốc và lãi còn nợ là 570.423.000đ bà không đồng ý, bà chỉ chấp nhận trả số tiền gốc 248.997.000 cho bà X, bà C và bà S.

Đối với ông Lê Văn K có mặt theo địa chỉ ghi trong đơn khởi kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông K, nhưng ông K không trình bày ý kiến về việc bị kiện, không tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa. Tòa án xét thấy việc ông Khanh vắng mặt thuộc trường hợp bị đơn từ chối khai báo, nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về việc áp dụng văn bản pháp luật: Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện xong trước ngày 01/01/2017 và các bên đang tranh chấp, nên áp dụng các quy định của Bộ luật số 33/2005/QH11 để giải quyết theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp.

[2]. Về Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án thấy rằng: Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với nội dung hai giấy vay tiền ngày 08/10/2014 có chữ ký người vay Nguyễn Thị N và người thừa kế Lê Văn K do nguyên đơn cung cấp, đủ căn cứ xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào giấy vay tiền và lời thừa nhận của bà Nguyễn Thị N đủ cơ sở xác định ngày 08/10/2014 bà N và ông K đã vay của Tổ tín dụng thôn 4, xã LS số tiền 303.282.000đ, đã quá hạn thanh toán, bà N và ông K không trả cho nguyên đơn đồng nào. Như vậy bà N và ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005. Do đó nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N và ông K phải trả lại số tiền gốc theo hai giấy vay tiền 303.282.000đ là có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Về khoản tiền lãi chậm trả nguyên đơn yêu cầu mức lãi 1,12% là phù hợp với mức lãi suất cơ bản năm 2014 quy định 9% năm và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Về thời gian chịu lãi xuất tính đến ngày vay 08/10/2014 đến ngày xét xử là trên 80 tháng nhưng nguyên đơn yêu cầu tính tròn 80 tháng là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên chấp nhận khoản tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là 271.741.000đ, được trừ đi số tiền lãi đã trả 4.600.000đ, số tiền lãi còn phải trả là 267.141.000đ.

[5]. Xét lời trình bày của bà Nguyễn Thị N về việc số tiền 54.285.000đ là số tiền lãi cộng dồn không phải tiền vay thấy rằng: Bà N thừa nhận ngày 08/10/2014 bà viết hai giấy vay tiền gồm một giấy vay số tiền 248.997.000đ và một giấy vay 54.285.000đ. Mặc dù số tiền 54.285.000đ là tiền lãi, nhưng bà N và ông K đã viết giấy vay tiền thì số tiền đó được xác định là tiền gốc vay, nên lời trình bày của Bà N về việc không đồng ý trả số tiền vay 54.285.000đ và không đồng ý trả khoản tiền lãi chậm trả là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Về trình tự thủ tục giải quyết vắng mặt anh Lê Văn K thấy rằng: Trong giấy vay tiền ngày 08/10/2014 có nội dung người vay tiền Nguyễn Thị N và người thừa kế Lê Văn K. Ông K có mặt theo địa chỉ ghi trong đơn khởi kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông K. Việc ông K vắng mặt thuộc trường hợp từ chối khai báo. Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung phù hợp quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Từ những phân tích nhận xét ở trên đủ cơ sở kết luận ngày 08/10/2014, bà Nguyễn Thị X, Lê Thị C và Mai Thị S đại diện cho Tổ tín dụng thôn, 4, xã LS cho bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn K vay số tiền gốc là 303.282.000đ. Hiện

nay Tô tín dụng thôn 4, xã LS đã dừng hoạt động, nên buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn K phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi còn nợ 570.423.000đ (Năm trăm bảy mươi triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng).

[7]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các Điều 471, 474, Khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn K phải trả cho bà Nguyễn Thị X, bà Lê Thị C và bà Mai Thị S số tiền gốc và lãi còn nợ theo hai đơn vay vốn Quỹ “Tiết kiệm Tín dụng” ngày 08/10/2014 là 570.423.000đ (Năm trăm bảy mươi triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị X, bà Lê Thị C và bà Mai Thị S có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

*** Về án phí:**

- Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.816.000đ (Hai mươi sáu triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị X, bà Lê Thị C và bà Mai Thị S không phải chịu án phí. Trả lại cho bà Nguyễn Thị X, bà Lê Thị C và bà Mai Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.754.000đ (Mười ba triệu, bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số AA/2019/0012081 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL.

*** Về quyền kháng cáo:**

- Bà Nguyễn Thị X, bà Lê Thị C, bà Mai Thị S và bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 18/6/2021.

- Ông Lê Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện NL;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện NgọcLặc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Vinh